

Bản án số: **491/2020/KDTM-PT**

Ngày: 10/6/2020

V/v: t/c Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các thẩm phán: 1. Bà **Ủ Thị Bạch Yến**.

2. Bà **Vũ Thị Hương**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Phương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 54/2020/KDTM-PT ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 250/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M Thành phố Hồ Chí Minh: bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2104/2020/QĐPT-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4530/2020/QĐ-HPT ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng A

2. Địa chỉ: số 02 đường LH, phường TC, quận BD, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

1.1. Bà Phạm Thị T, trú tại: đường VVK, phường CG, Quận M, Thành phố H1, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2020) (có mặt).

1.2. Ông Nguyễn N (Văn bản ủy quyền ngày 19/5/2020) (có mặt).

2. *Bị đơn*: Công ty TT

Địa chỉ: Số 126 đường MK, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Ông Vương Tuấn K, trú tại: Số 361/21/3 đường NDC, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người

đại diện theo ủy quyền của Bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 8 năm 2019) (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty PA

4. Địa chỉ: Số 285, Tổ 4, ST, Khu phố 1, phường PB, thị xã PL, tỉnh B

Người đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S, trú tại: Số 402/10 đường ADV quận N, Thành phố H1, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty PA (Văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 10 năm 2019) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2019 của nguyên đơn-Ngân hàng A và tại tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:*

Ngày 11/5/2017, Công ty TT (Gọi tắt là Công ty TT) và Ngân hàng A (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã ký hợp đồng tín dụng số: 1601-LAV-201700176 để vay theo hạn mức tín dụng là: 40.000.000.000 đồng, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng là: 12 tháng, ngày đến hạn: 15/5/2018, mục đích sử dụng vốn tín dụng: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty TT là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Công trình xây dựng Nhà xưởng chế biến hạt điều tại KP1, phường PB, thị xã PL, tỉnh BP theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 1601-LCP-201000107 ngày 27/5/2010; phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 30/5/2011; phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 27/12/2012 và phụ lục ngày 24/9/2018. Chủ tài sản là Công ty PA (sau đây viết là Công ty PA).

Khoản nợ vay của Công ty TT theo hợp đồng tín dụng nêu trên đã quá hạn từ ngày 10/7/2018. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng Công ty TT không thực hiện. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty TT phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày 26/11/2019 tổng cộng là: 40.872.607.409 đồng, trong đó bao gồm:

Nợ gốc: 34.133.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 4.704.798.249 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 2.034.809.160 đồng.

Yêu cầu Công ty TT tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trên dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 1601-LAV-201700176 ngày 11/5/2017 kể từ ngày 27/11/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty TT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị cho phát mãi tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng thì Công ty TT có nghĩa vụ thanh toán tiếp toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

** Phần trình bày của đại diện theo ủy quyền của Công ty TT:* Công ty TT đồng ý với việc Nguyên đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân Quận M. Công ty TT xác nhận còn nợ số tiền như nguyên đơn trình bày bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn. Do Công ty TT đang gặp nhiều khó khăn nên đề nghị nguyên đơn cho Công ty TT thời hạn đến ngày 31/12/2019, Công ty TT sẽ trả dứt các khoản nợ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Công ty PA trình bày:* Công ty PA đồng ý với việc Ngân hàng khởi kiện Công ty TT tại Tòa án nhân dân Quận M và đồng ý các yêu cầu của Nguyên đơn về nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn. Công ty PA xác nhận có ký các hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 1601-LCP-201000107 ngày 27/5/2010; phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 30/5/2011; phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 27/12/2012 và phụ lục ngày 24/9/2018 để bảo lãnh cho nợ vay của Công ty TT.

Nếu Công ty TT không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Nguyên đơn thì Công ty PA đồng ý cho phát mãi tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật đối với tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc công trình xây dựng Nhà xưởng chế biến hạt điều tại KP1, phường PB, thị xã PL, tỉnh BP.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 250/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Ngân hàng A.

Buộc Công ty TT thanh toán ngay toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng số: 1601-LAV-201700176 ngày 11/5/2017, tính đến ngày 26/11/2019 là: 40.872.607.409 đồng Trong đó: Nợ gốc là 34.133.000.000 đồng ; Nợ lãi trong hạn: 4.704.798.249 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.034.809.160 đồng.

Kể từ ngày 27/11/2019, Công ty TT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngay sau khi Công ty TT trả hết số nợ trên, Ngân hàng A có nghĩa vụ hoàn trả bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 953152, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BP cấp ngày 08/11/2016, số vào sổ cấp GCN: CT08084 cho Công ty PA và làm thủ tục xóa nội dung đăng ký thế chấp.

Đến hạn trả nợ mà Công ty TT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi các tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là Công trình xây dựng nhà xưởng chế biến hạt Điều tại địa chỉ: KP1, Phường PB, thị xã PL, tỉnh BP theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 1601-LCP-201000107 ngày 27/5/2010 và các phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 30/5/2011, 27/12/2012 và 24/9/2018 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 953152, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BP cấp cho Công ty PA, địa chỉ: Số 285, Tổ 4, ST, KP1, Phường PB, thị xã PL, tỉnh BP; số vào sổ cấp GCN: CT08084 ngày 08/11/2016).

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng A thì Công ty TT có trách nhiệm thanh toán hết toàn bộ nợ vay, nếu còn dư thì số tiền dư được giao trả lại cho Công ty PA.

Khi tài sản thế chấp bị phát mãi thì Công ty PA có trách nhiệm di chuyển toàn bộ tài sản tại Công trình xây dựng nhà xưởng chế biến hạt Điều tại địa chỉ: KP1, Phường PB, thị xã PL, tỉnh BP đi nơi khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 148.872.607 đồng.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng A 73.189.694 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: AA/2018/0007797 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M, TP.Hồ Chí Minh.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 20/12/2019, Người liên quan – Công ty PA nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Công ty PA có đơn xin hoãn phiên tòa sơ thẩm ngày 26/11/2019 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xét xử vắng mặt Công ty PA. Do vậy Công ty PA kháng cáo để được tham gia phiên tòa phúc thẩm và có cơ hội bảo vệ quyền lợi cho Công ty PA cũng như đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện của Công ty PA trình bày: Do Công ty PA đã có đơn xin hoãn phiên tòa mở ngày 26/11/2019 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xét xử vắng mặt Công ty PA là vi phạm tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền được tham gia phiên tòa của Công ty PA nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn trình bày: Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty PA. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận M, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận M căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

[2] Về việc vắng mặt của Bị đơn: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử và giấy triệu tập Bị đơn để tham gia tố tụng tại phiên tòa

phúc thẩm theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng Bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty PA, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Trong quá trình tiến hành tụng của Tòa án cấp sơ thẩm đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Phiên tòa được mở vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 06/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 5194/QĐXX – ST ngày 14/10/2019. Do bị đơn vắng mặt nên phiên tòa được hoãn và ấn định ngày mở lại vào 14 giờ ngày 26/11/2019 theo Quyết định hoãn phiên tòa số 5659/QĐHPT ngày 06/11/2019. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty PA thừa nhận đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng do bận việc đột xuất nên đã có đơn xin hoãn phiên tòa. Đại diện Công ty PA cũng thừa nhận không có chứng cứ để chứng minh lý do xin hoãn phiên tòa là thuộc trường hợp có ký do chính đáng theo luật định. Do vậy bản án sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để nhận định cho rằng Công ty PA được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt Công ty PA là có căn cứ pháp luật. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa. Kháng cáo của Công ty PA là không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về nội dung các quyết định khác của bản án sơ thẩm do các bên đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty PA. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng A.

1.1. Buộc Công ty TT thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng số: 1601-LAV-201700176 ngày 11/5/2017, tính đến ngày 26/11/2019 là: 40.872.607.409 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 34.133.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 4.704.798.249 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.034.809.160 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TT còn phải chịu khoản tiền lãi của nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Ngay sau khi Công ty TT trả hết số nợ trên thì Ngân hàng A phải hoàn trả bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 953152, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BP cấp ngày 08/11/2016, số vào sổ cấp GCN: CT08084 cho Công ty PA và làm thủ tục xóa nội dung đăng ký thế chấp.

1.2. Trường hợp đến hạn trả nợ mà Công ty TT không trả hoặc trả không đủ số nợ nêu trên thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi các tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 1601-LCP-201000107 ngày 27/5/2010 và các phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 30/5/2011, 27/12/2012 và 24/9/2018 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là Công trình xây dựng nhà xưởng chế biến hạt Điều tại địa chỉ: KP1, phường PB, thị xã PL, tỉnh BP (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 953152, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BP cấp cho Công ty PA, địa chỉ: Số 285, Tổ 4, ST, KP1, phường PB, thị xã PL, tỉnh BP; số vào sổ cấp GCN: CT08084 ngày 08/11/2016).

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng A thì Công ty TT có trách nhiệm thanh toán hết toàn bộ nợ vay, nếu còn dư thì số tiền dư được giao trả lại cho Công ty PA.

Khi tài sản thế chấp bị phát mãi thì Công ty PA có trách nhiệm di chuyển toàn bộ tài sản tại Công trình xây dựng nhà xưởng chế biến hạt Điều tại địa chỉ: KP1, Phường PB, thị xã PL, tỉnh BP đi nơi khác.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TT phải chịu là 148.872.607 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng A tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 73.189.694 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007797 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty PA phải chịu là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0005623 ngày 26/12/2019 ngày của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M TP. Hồ Chí Minh. Công ty PA đã nộp đủ án phí.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- TAND Quận M;
- Cục THADS TP HCM
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Thủy